TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị E và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Ông Nguyễn Văn Cư

Bà Trần Thị Trang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Không tham gia phiên tòa

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp P, xã PV, thị xã T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Hữu T, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp P, xã PV, thị xã T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út E trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Đỗ Hữu T tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 2008, đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được

đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng sống không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, xung đột, vẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân gia đình hai bên không hàn gắn lại. Nay tôi yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Hữu T . Về nuôi con chung có 02 con tên Đỗ Thị Thanh Nguyên, sinh ngày 16/4/2009 và Đỗ Trọng Phúc, sinh ngày 30/11/2011, hiện đang sống với cha. Khi ly hôn tôi đồng ý giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu tôi phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn anh Đỗ Hữu T trình bày: Thống nhất như cô Nguyễn Thị Út E trình bày về thời gian, về điều kiện kết hôn, về con chung, về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Riêng đối với tình cảm nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do cô Út E có quan hệ với người đàn ông khác, từ đó vợ chồng không tin tưởng, thường cãi vã nhau, vẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Nay cô Út E yêu cầu xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con và không muốn hai con phải khổ. Nếu cô Út E kiên quyết xin ly hôn thì tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cô Út E phải đóng góp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Út E và anh Đỗ Hữu T có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xE là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp " Ly hôn " giữa chị Nguyễn Thị Út E và anh Đỗ Hữu T được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Nguyễn Thị Út E yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hữu T. Về con chung có 02 con chung hiện đang sống với cha và sau khi ly hôn chị Út E đồng ý giao 02 con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị Út E phải đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Đỗ Hữu T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ, thương con và không muốn hai con phải khổ. Nếu cô Út E kiên quyết ly hôn thì tôi xin được tiếp tục nuôi 02 con chung và không yêu cầu cô Út E phải đóng góp nuôi con.

[5] Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

- Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tổ chức đăng ký kết hôn. Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên.

- Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Tòa án xE xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

- Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Út E và anh Đỗ Hữu T sống có hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã, xung đột, nên chung sống không hạnh phúc và ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không tự hòa giải để vợ chồng hàn gắn lại, mà để mâu thuẫn diễn biến ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cho chị Nguyễn Thị Út E và anh Đỗ Hữu T E ly hôn là phù hợp. Về con chung có 02 con chung hiện đang sống với cha, sau khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi con và anh T không yêu cầu chị Út E phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con. Về chia tài sản không

có, về nợ chung không có nợ, nên hội đồng xét xử không đặt ra để xE xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Út E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004693 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11-14-85-89-92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Út E và anh Đỗ Hữu T.

2. Về nuôi con chung: Anh Đỗ Hữu T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Đỗ Thị Thanh Nguyên, sinh ngày 16/4/2009 và Đỗ Trọng Phúc, sinh ngày 30/11/2011 và anh T không yêu cầu chị Út E phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Út E phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004693 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Văn On

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- Các đương sự; (để thi hành)
- UBND xã Phú Vĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.Phòng.